

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH BÌNH**

Số: 882 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ninh Bình, ngày 11 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v phân bổ, giao Kế hoạch đầu tư công năm 2024  
vốn ngân sách địa phương**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH 14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 93/2021/NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 116/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XIV về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương;*

*Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XV về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương;*

*Căn cứ Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XV về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương (đợt 2);*



Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XV về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương (lần 2); bổ sung, phân khai chi tiết Kế hoạch đầu tư công năm 2023 vốn ngân sách cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XV về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương (lần 4);

Căn cứ Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XV về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương (lần 5);

Căn cứ Nghị quyết số 159/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XV về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương (lần 6);

Căn cứ Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XV về việc phân bổ chi tiết Kế hoạch đầu tư công năm 2024 vốn ngân sách địa phương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 638/BC-KHĐT ngày 01 tháng 12 năm 2023 và Tờ trình số 652a/TTr-KHĐT ngày 11 tháng 12 năm 2023.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phân bổ, giao Kế hoạch đầu tư công năm 2024 vốn ngân sách địa phương, cụ thể như sau:

**1. Tổng nguồn vốn đầu tư công Kế hoạch đầu tư công năm 2024 vốn ngân sách địa phương là 5.928,223 tỷ đồng, gồm:**

- a) Vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung: 2.935,123 tỷ đồng;
- b) Tiền đất phân chia các cấp ngân sách: 1.331,9 tỷ đồng;
- c) Tiền đất phân chia ngân sách cấp tỉnh 100% là 1.400 tỷ đồng;
- d) Nguồn thu xổ số kiến thiết 55,0 tỷ đồng;
- e) Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên 206,2 tỷ đồng.

**2. Phân bổ, giao Kế hoạch đầu tư công năm 2024 vốn ngân sách cấp tỉnh với tổng số vốn là 4.188,398 tỷ đồng, gồm:**

- a) Vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung: 2.348,098 tỷ đồng;
- b) Tiền đất phân chia các cấp ngân sách: 253,9 tỷ đồng;
- c) Tiền đất phân chia ngân sách cấp tỉnh 100% là 1.400 tỷ đồng;
- d) Nguồn thu xổ số kiến thiết: 42,2 tỷ đồng;
- e) Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên: 144,2 tỷ đồng.

Trong đó:

- Phân bổ, giao chi tiết cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án với tổng số vốn là 3.820,006 tỷ đồng;



- Đối với số vốn 368,392 tỷ đồng còn lại chưa phân bổ, dự kiến bố trí cho các dự án khởi công mới trong năm 2024, đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư nhưng chưa đủ điều kiện bố trí kế hoạch vốn năm 2024 theo quy định tại Điều 53 của Luật Đầu tư công năm 2019: Thực hiện phân bổ, giao chi tiết tiết danh mục và mức vốn đối với từng dự án khi đủ điều kiện theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo phù hợp với khả năng hấp thụ vốn của từng dự án.

**3. Phân bổ, giao Kế hoạch đầu tư công năm 2024 cho ngân sách các huyện, thành phố với tổng số vốn là 1.739,825 tỷ đồng; gồm:**

- a) Vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung: 587,025 tỷ đồng;
- b) Nguồn thu sử dụng đất: 1.078,0 tỷ đồng;
- c) Nguồn thu xổ số kiến thiết: 12,8 tỷ đồng;
- d) Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên: 62,0 tỷ đồng.

*(Chi tiết theo các biểu gửi kèm).*

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

**1. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

a) Hướng dẫn, đốc các cơ quan, đơn vị được giao Kế hoạch đầu tư công năm 2024 vốn ngân sách địa phương triển khai thực hiện theo quy định; theo dõi, định kỳ (hàng tháng, hàng quý) báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình triển khai thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư năm 2024 nguồn ngân sách nhà nước.

b) Hướng dẫn, đôn đốc chủ đầu tư, các đơn vị liên quan tập trung, khẩn trương hoàn thiện thủ tục đối với các dự án khởi công mới trong năm 2024, đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư nhưng chưa đủ điều kiện bố trí vốn kế hoạch năm 2024 theo quy định tại Điều 53 của Luật Đầu tư công năm 2019; tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh giao chi tiết danh mục và mức vốn Kế hoạch đầu tư công năm 2024 vốn ngân sách địa phương cho các dự án khi đủ điều kiện theo đúng quy định hiện hành.

**2. Giao các chủ đầu tư, cơ quan liên quan:**

a) Các chủ đầu tư được giao Kế hoạch đầu tư công năm 2024 vốn ngân sách địa phương tập trung thực hiện hoàn tất thủ tục đầu tư theo đúng quy định; thu hồi vốn ứng trước, thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành và triển khai thực hiện theo đúng mức vốn được giao, tránh phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản. Việc giải ngân, thanh toán vốn thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.

b) Các chủ đầu tư các dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép gia hạn thời gian bố trí vốn, khẩn trương hoàn thiện các thủ tục gia hạn thời gian thực hiện dự án theo quy định, làm cơ sở để tiếp tục triển khai thực hiện, sớm hoàn thành bàn và đưa vào khai thác, sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên cơ sở mức vốn Kế hoạch đầu tư công năm 2024 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ, rà soát xây dựng phương án, trình cấp có thẩm quyền phân bổ, giao chi tiết cho các đơn vị bảo đảm theo đúng quy định hiện hành.



3. Trước ngày 25 hàng tháng, chủ đầu tư gửi báo cáo tình hình triển khai thực hiện và giải ngân Kế hoạch đầu tư công năm 2024 vốn ngân sách địa phương về Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các VP, TT;
- Lưu VT, VP2.

VV\_VP2\_QĐ10

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Cao Sơn**



**BIỂU GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CHO CÁC ĐƠN VỊ**

*(Kèm theo Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)*

Đơn vị tính: Triệu đồng



TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư/ Văn bản đề xuất				Kế hoạch đầu tư năm 2024														Ghi chú
		Mã dự án	Số quyết định, ngày, tháng, năm	Thời gian KC-HT	TMBT		Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh bố trí							Phân theo nguồn vốn					
					Tổng số	Tr.đó: Ngân sách cấp tỉnh		Thanh toán các khoản phải trả	Thu hồi vốn ứng trước	Thanh toán Nợ XDCB	Chuyển tiếp	Khởi công mới	Chuẩn bị đầu tư	Chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ	NSTT	Tiền đất phân chia các cấp ngân sách	Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên	XSKT	Đất đặc thù	
A	B	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
	<b>TỔNG SỐ</b>				43 638 429	23 098 033	5 928 223	27 705	103 754	675 600	2 690 747	368 392	12 000	310 200	2 935 123	1 331 900	206 200	55 000	1 400 000	
I	TỔNG SỐ CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN						1 739 825								587 025	1 078 000	62 000	12 800		
II	TỔNG SỐ CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH				43 638 429	23 098 033	4 188 398	27 705	103 754	675 600	2 690 747	368 392	12 000	310 200	2 348 098	253 900	144 200	42 200	1 400 000	
A	GIAO CHI TIẾT CHO CÁC ĐƠN VỊ				43 157 429	22 617 033	5 409 831	27 705	103 754	675 600	2 690 747		12 000	160 200	2 476 731	1 331 900	206 200	55 000	1 340 000	
	<b>UBND THÀNH PHỐ NINH BÌNH</b>				3 095 388	490 330	568 638			100 700	100 000				96 638	332 000			140 000	
I	CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN						367 938								55 938	312 000				
II	CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH				3 095 388	490 330	200 700			100 700	100 000				40 700	20 000			140 000	
1	Đầu tư xử lý cấp bách hệ thống chống ngập úng thành phố Ninh Bình và huyện Hoa Lư	7035249	598/QĐ-UB 11/06/2010	2008-2021	1 699 993		100 700			100 700					700				100 000	HT bố trí vốn NST trung hạn
2	Xây dựng quảng trường và tượng đài Đinh Tiên Hoàng Đế	7135626	1360/QĐ-UB 04/10/2020; 1013/QĐ-UB 15/4/2021	2009-2024	1 395 395	490 330	100 000				100 000				40 000	20 000			40 000	
	<b>UBND THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP</b>				85 000	70 000	197 020				30 000		500		96 820	91 000	7 000	2 200		
I	CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN						166 520								66 320	91 000	7 000	2 200		
II	CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH				85 000	70 000	30 500				30 000		500		30 500					
1	Xây dựng tuyến đường nối Khu công nghiệp Tam Điệp II với tuyến đường Đông - Tây, tỉnh Ninh Bình	8021328	20/NQ-HĐ 10/3/2023; 834/QĐ-UB 13/10/2023	2023-2025	60 000	50 000	30 000				30 000				30 000					
2	Cải tạo, mở rộng tuyến đường liên huyện từ đường vành đai cấp bách chống lũ quét thành phố Tam Điệp đến cầu Cọ, Quốc lộ 12B huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình		426/UB-TCKH 21/4/2020	2021-2025	25 000	20 000	500						500		500					
	<b>UBND HUYỆN GIA VIỄN</b>				175 000	90 000	213 669				45 000				107 869	35 000	55 000	1 800	14 000	
I	CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN						168 669								76 869	35 000	55 000	1 800		
II	CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH				175 000	90 000	45 000				45 000				31 000				14 000	
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.477C, đoạn từ Km4+300 (cầu Thống Nhất) đến Km9+800 (đê hữu Hoàng Long), huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	8053968	19/NQ-HĐ 10/3/2023; 834/QĐ-UB 11/10/2023	2023-2025	175 000	90 000	45 000				45 000				31 000				14 000	
	<b>UBND HUYỆN HOA LƯ</b>				324 118	119 227	290 446				15 567				68 846	220 000		1 600		
I	CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN						274 879								53 279	220 000		1 600		
II	CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH				324 118	119 227	15 567				15 567				15 567					
1	Xây dựng các tuyến đê bao gát lũ phía tây sông Chanh giai đoạn 2, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	7097318	426/QĐ-UB 7/5/2010; 731/QĐ-UB 12/8/2022	2008-2022	237 978	39 227	720				720				720					HT bố trí vốn NST



TT	Danh mục công trình, dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư/ Văn bản đề xuất			Kế hoạch đầu tư năm 2024														Ghi chú		
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	Thời gian KC-HT	TMDT		Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh bố trí							Phân theo nguồn vốn							
					Tổng số	Tr.đó: Ngân sách cấp tỉnh		Thanh toán các khoản phải trả	Thu hồi vốn ứng trước	Thanh toán Nợ XDCB	Chuyển tiếp	Khởi công mới	Chuyển bị đầu tư	Chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ	NSTT	Tiền đất phân chia các cấp ngân sách	Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên	XSKT	Đất đặc thù			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19				
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục xã kết hợp nạo vét, kiên cố kênh tiêu xã Ninh Giang, huyện Hoa Lư	7928834	56/NQ-HĐ 29/7/2021; 1259/QĐ-UB 15/11/2021	2021-2023	39 140	35 000	547							547			547			HT bố trí vốn NST		
3	Xử lý khắc phục nguy cơ sạt, lở đá đe dọa đến tính mạng con người tại khu vực núi Vườn Giã, xã Trường Yên, huyện Hoa Lư	7933475	1472/QĐ-UB 30/12/2021; 732/QĐ-UB 12/8/2022	2021-2023	47 000	45 000	14 300							14 300			14 300			HT bố trí vốn NST		
<b>UBND HUYỆN KIM SƠN</b>					<b>602 560</b>	<b>257 060</b>	<b>261 747</b>							<b>68 500</b>			<b>139 947</b>	<b>120 000</b>		<b>1 800</b>		
<b>I CẢN ĐÓI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN</b>							<b>193 247</b>										<b>86 447</b>	<b>105 000</b>		<b>1 800</b>		
<b>II CẢN ĐÓI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</b>					<b>602 560</b>	<b>257 060</b>	<b>68 500</b>							<b>68 500</b>			<b>53 500</b>	<b>15 000</b>				
1	Đường cứu hộ, cứu nạn chống tràn thoát lũ từ trung tâm 6 xã Tiểu khu I ra đê Hữu sông Đáy, huyện Kim Sơn	7281487	551/QĐ-UB 02/6/2010; 464/QĐ-UB 23/5/2022	2010-2025	390 000	129 500	30 000							30 000			15 000	15 000				
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐT481B (đoạn từ đường Quốc lộ 21B đến ngã ba đường đi đò Đức Hậu)	7933644	54/NQ-HĐ 29/7/2021; 1276/QĐ-UB 19/11/2021	2021-2023	60 000	45 000	16 000							16 000			16 000				HT bố trí vốn NST	
3	Xây dựng tuyến đường từ Quốc lộ 12B đến trung tâm thị trấn Bình Minh, huyện Kim Sơn	7933643	58/NQ-HĐ 29/7/2021; 1385/QĐ-UB 10/12/2021	2021-2024	152 560	82 560	22 500							22 500			22 500				HT bố trí vốn NST	
<b>UBND HUYỆN NHO QUAN</b>					<b>2 795 386</b>	<b>1 186 385</b>	<b>350 918</b>			<b>50 000</b>	<b>81 000</b>			<b>16 000</b>	<b>193 718</b>	<b>105 000</b>			<b>2 200</b>	<b>50 000</b>		
<b>I CẢN ĐÓI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN</b>							<b>203 918</b>										<b>96 718</b>	<b>105 000</b>		<b>2 200</b>		
<b>II CẢN ĐÓI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</b>					<b>2 795 386</b>	<b>1 186 385</b>	<b>147 000</b>			<b>50 000</b>	<b>81 000</b>			<b>16 000</b>	<b>97 000</b>						<b>50 000</b>	
1	Nâng cấp CSHT vùng phân lũ, chậm lũ huyện Nho Quan	7078508	1864/QĐ-UB 08/9/2006 1227/QĐ-UB 31/12/2010		2 041 788	627 592	50 000			50 000							5 000				45 000	HT bố trí vốn NST trung hạn
2	Nâng cấp các tuyến đường đến trung tâm cụm xã nghèo huyện Nho Quan (giai đoạn 1)	7424861	1325/QĐ-UB 29/10/2020; 60/QĐ-UB 16/01/2023	2011-2023	147 500	147 500	5 000							5 000							5 000	HT bố trí vốn NST
3	Đầu tư xây dựng, nâng cấp các tuyến đường ô tô đến trung tâm 9 xã miền núi (Xích Thổ, Sơn Hà, Phú Sơn, Lạc Vân, Đức Long, Quỳnh Lưu, Sơn Lai, Gia Lâm, Yên Quang) huyện Nho Quan	7289800	719/QĐ-UB 07/10/2011; 1116/QĐ-UB 27/12/2022	2010-2023	222 248	156 293	16 000							16 000			16 000					
4	Đầu tư xây dựng tuyến đường tránh trung tâm thị trấn Nho Quan kết nối đường tỉnh ĐT.479 với Quốc lộ 12B trên trục giao thông chính đi các tỉnh vùng Tây Bắc (giai đoạn I)	7923714	99/NQ-HĐ 27/9/2021; 744/QĐ-UB 16/8/2022	2021-2024	178 850	75 000	25 000							25 000			25 000					
5	Hệ thống giao thông kết hợp chống ngập thị trấn Nho Quan	8027992	65/NQ-HĐ 26/4/2023; 801/QĐ-UB 27/9/2023	2023-2025	70 000	60 000	25 000							25 000			25 000					
6	Xây dựng trạm bơm Sây, xã Sơn Thành, huyện Nho Quan	8027989	58/NQ-HĐ 26/04/2023; 943/QĐ-UB 03/11/2023	2023-2025	50 000	35 000	10 000							10 000			10 000					
7	Chương trình MTQG vùng đồng bào Dân tộc thiểu số và Miền núi				85 000	85 000	16 000										16 000	16 000				
	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất ở, đất sản xuất, mức sinh hoạt						1 000										1 000	1 000				
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc						13 000										13 000	13 000				



TT	Danh mục công trình, dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư/ Văn bản đề xuất			Kế hoạch đầu tư năm 2024														Ghi chú	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	Thời gian KC-HT	TMBT		Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh bố trí							Phân theo nguồn vốn						
					Tổng số	Tr.đó: Ngân sách cấp tỉnh		Thanh toán các khoản phải trả	Thu hồi vốn ứng trước	Thanh toán Nợ XDCB	Chuyển tiếp	Khởi công mới	Chuẩn bị đầu tư	Chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ	NSTT	Tiền đất phần chia các cấp ngân sách	Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên	XSKT	Đất đặc thù		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch						2 000							2 000	2 000						
	<b>UBND HUYỆN YÊN KHÁNH</b>						217 158								75 158	140 000		2 000			
I	<b>CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN</b>						217 158								75 158	140 000		2 000			
	<b>UBND HUYỆN YÊN MÔ</b>				742 233	463 344	242 996				95 000		500		164 796	70 000		1 200	7 000		
I	<b>CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN</b>						147 496								76 296	70 000		1 200			
II	<b>CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</b>				742 233	463 344	95 500				95 000		500		88 500					7 000	
1	Đường cứu hộ, cứu nạn cho nhân dân vùng lũ các xã Yên Phú, Yên Mỹ đến sông Bút, hồ Yên Thắng, huyện Yên Mô	7326588	530/QĐ-UB 5/8/2011; 478/QĐ-UB 23/5/2022	2010-2025	234 044	114 544	10 000				10 000				3 000					7 000	
2	Xây dựng tuyến đường vành đai thị trấn Yên Thịnh, huyện Yên Mô	7933495	135/NQ-HĐ 10/12/2021; 872/QĐ-UB 10/10/2022	2021-2024	254 289	140 000	30 000				30 000				30 000						
3	Nâng cấp tuyến đường đến trung tâm các xã Yên Nhân, Yên Từ, Yên Lâm để về đích các xã nông thôn mới kiểu mẫu, giai đoạn I	7929636	98/NQ-HĐ 27/9/2021; 1288/QĐ-UB 19/11/2021	2021-2023	68 000	63 000	5 000				5 000				5 000						HT bố trí vốn NST
4	Xây dựng tuyến đường phát triển kinh tế - xã hội liên xã Khánh Thượng - Mai Sơn, huyện Yên Mô	8051882	68/NQ-HĐ 26/4/2023; 841/QĐ-UB 13/10/2023	2023-2025	79 900	70 000	25 000				25 000				25 000						
5	Nâng cấp kênh tiêu chính trạm bơm Ba Bàu, xã Khánh Thượng, huyện Yên Mô	8042542	61/NQ-HĐ 26/4/2023; 670/QĐ-UB 16/8/2023	2023-2025	35 000	28 000	15 000				15 000				15 000						
6	Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ Nuôi trồng thủy sản vùng Yên Đồng, huyện Yên Mô (giai đoạn II)	8041698	17/NQ-HĐ 10/3/2023; 575/QĐ-UB 21/7/2023	2023-2025	33 000	25 000	10 000				10 000				10 000						
7	Xây dựng tuyến đường phát triển kinh tế trung tâm thị trấn Yên Thịnh - xã Yên Phong, huyện Yên Mô		458/TT-UB 18/11/2019; 320/UB-TCKH 3/3/2020	2021-2025	38 000	22 800	500						500		500						
	<b>BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐẢN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP TỈNH</b>				7 162 773	5 630 255	732 778				730 778		2 000		301 178	68 900		42 200	320 500		
I	<b>CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</b>				7 162 773	5 630 255	732 778				730 778		2 000		301 178	68 900		42 200	320 500		
1	Xây dựng Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Ninh Bình	7273555	1468/QĐ-UB 02/12/2009; 691/QĐ-UB 27/9/2011	2009-2020	2 670 466	2 075 666	50 000				50 000				7 000					43 000	
2	Đầu tư xây dựng Trường Đại học Hoa Lư	7081594	3002/QĐ-UB 31/12/2007; 569/QĐ-UB 19/7/2023	2007-2025	769 989	677 614	150 000				150 000				57 100	18 900		10 000		64 000	
3	Xây dựng kênh kết hợp đường Vạn Hạnh (giai đoạn I)	7528716	358/QĐ-UB 22/3/2021; 307/QĐ-UB 31/3/2022	2015-2023	840 290	840 290	100 000				100 000				20 500					79 500	
4	Xây dựng tuyến đường Đinh Tiên Hoàng (giai đoạn II)	7528717	530/QĐ-UB 19/5/2021; 306/QĐ-UB 31/3/2022	2016-2024	906 616	906 616	150 000				150 000				61 000	30 000				59 000	
5	Nhà Văn hóa trung tâm tỉnh Ninh Bình	7789666	1155/QĐ-UB 18/9/2020; 1038/QĐ-UB 09/12/2022	2019-2023	202 000	202 000	72 000				72 000									72 000	HT bố trí vốn NST



TT	Danh mục công trình, dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư/ Văn bản đề xuất		Kế hoạch đầu tư năm 2024														Ghi chú	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	Thời gian KC-HT	TMBT		Tổng số	Trong đó: Ngân sách tính bố trí						Phân theo nguồn vốn						
					Tổng số	Tr.đó: Ngân sách cấp tỉnh		Thanh toán các khoản phải trả	Thu hồi vốn ứng trước	Thanh toán Nợ XDCB	Chuyển tiếp	Khởi công mới	Chuẩn bị đầu tư	Chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ	NSTT	Tiền đất phân chia các cấp ngân sách	Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên	XSKT		Đất đặc thù
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
6	Xây dựng trụ sở làm việc và các phòng chức năng Trường Chính trị tỉnh	7951348	14/NQ-HĐ 30/3/2022; 804/QĐ-UB 16/9/2022	2022-2025	97 709	97 709	45 000				45 000				25 000	20 000				
7	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc Báo Ninh Bình	8026244	54/NQ-HĐ 26/4/2023; 779/QĐ-UB 25/9/2023	2023-2024	10 000	10 000	4 500				4 500				4 500					HT bố trí vốn NST
8	Xây dựng cơ sở hạ tầng Hạt Kiểm lâm liên huyện Hoa Lư - Gia Viễn (giai đoạn II)	8026231	55/NQ-HĐ 26/4/2023; 720/QĐ-UB 11/9/2023	2023-2024	6 000	6 000	2 500				2 500				2 500					HT bố trí vốn NST
9	Sửa chữa nhà đa năng Trung tâm Hội nghị tỉnh	8019481	14/NQ-HĐ 10/3/2023; 502/QĐ-UB 29/6/2023	2023-2025	30 000	30 000	10 000				10 000				10 000					
10	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình	8019484	15/NQ-HĐ 10/3/2023; 701/QĐ-UB 31/8/2023	2023-2025	20 000	20 000	15 000				15 000				15 000					
11	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trụ sở Sở Kế hoạch và Đầu tư, tỉnh Ninh Bình	8019485	11/NQ-HĐ 10/3/2023; 640/QĐ-UB 08/8/2023	2023-2024	12 828	12 828	7 328				7 328				6 328				1 000	HT bố trí vốn NST
12	Cải tạo, sửa chữa nhà hành chính, khu ký túc xá, nhà ăn Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân, Hội Nông dân tỉnh Ninh Bình	8019488	12/NQ-HĐ 10/3/2023; 479/QĐ-UB 21/6/2023	2023-2024	3 500	3 500	500				500				500					HT bố trí vốn NST
13	Mua sắm trang thiết bị và xây dựng một số hạng mục phụ trợ Trường Chính trị tỉnh Ninh Bình	8019486	05/NQ-HĐ 10/3/2023; 597/QĐ-UB 25/7/2023	2023-2025	33 000	33 000	15 000				15 000				15 000					
14	Xây dựng Trường trung học phổ thông Vũ Duy Thanh (giai đoạn 2)	8026234	49/NQ-HĐ 26/4/2023; 766/QĐ-UB 20/9/2023	2023-2025	76 076	76 076	20 000				20 000				10 000			10 000		
15	Xây dựng, cải tạo trường Trung học phổ thông Nguyễn Huệ	8040637	80/NQ-HĐ 12/7/2023; 978/QĐ-UB 21/11/2023	2023-2025	21 641	21 641	10 000				10 000				5 000			5 000		
16	Xây dựng, cải tạo trường Trung học phổ thông Đinh Tiên Hoàng, thành phố Ninh Bình	8040636	81/NQ-HĐ 12/7/2023; 977/QĐ-UB 21/11/2023	2023-2025	38 939	38 939	15 000				15 000				10 000			5 000		
17	Xây dựng đơn nguyên thân nhân tạo của Bệnh viện đa khoa huyện Nho Quan	8019482	23/NQ-HĐ 10/3/2023; 669/QĐ-UB 16/8/2023	2023-2025	14 950	14 950	9 450				9 450				4 450			5 000		HT bố trí vốn NST
18	Cải tạo Nhà hành chính quản trị - Nghiệp vụ kỹ thuật và Nhà phục hồi chức năng Bệnh viện Tâm thần tỉnh Ninh Bình	8026232	52/NQ-HĐ 26/4/2023; 748/QĐ-UB 15/9/2023	2023-2024	12 000	12 000	6 500				6 500				3 500			3 000		HT bố trí vốn NST
19	Xây dựng nhà điều trị bệnh nhân nội trú giai đoạn II và cải tạo một số hạng mục khác tại Bệnh viện Mắt tỉnh Ninh Bình	8019483	22/NQ-HĐ 10/3/2023; 657/QĐ-UB 14/8/2023	2023-2025	14 950	13 500	8 000				8 000				3 800			4 200		HT bố trí vốn NST
20	Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ - Tiêu dự án cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Phát Diệm, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình	7778394	858/QĐ-UB 14/7/2020	2020-2024	881 819	137 926	40 000				40 000				40 000					
21	Đầu tư xây dựng tổ hợp Bảo tàng - Thư viện tỉnh Ninh Bình	7897739	21/NQ-HĐ 12/5/2021	2021-2025	500 000	400 000	2 000						2 000						2 000	
<b>BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH</b>					<b>4 670 583</b>	<b>3 150 131</b>	<b>594 525</b>				<b>594 525</b>				<b>341 325</b>	<b>70 000</b>			<b>183 200</b>	
<b>I CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</b>					<b>4 670 583</b>	<b>3 150 131</b>	<b>594 525</b>				<b>594 525</b>				<b>341 325</b>	<b>70 000</b>			<b>183 200</b>	
1	Đường giao thông đối ngoại (đường vào) cụm công nghiệp Cầu Yên, phường Ninh Phong, thành phố Ninh Bình	7916678	696/QĐ-UB 06/7/2021; 3790/TT-SXD 22/11/2023	2021-2025	40 288	40 288	19 225				19 225				2 925				16 300	HT bố trí vốn NST



TT	Danh mục công trình, dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư/ Văn bản đề xuất			Kế hoạch đầu tư năm 2024															Ghi chú
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	Thời gian KC-HT	TMBT		Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh bố trí							Phân theo nguồn vốn						
					Tổng số	Tr.đó: Ngân sách cấp tỉnh		Thanh toán các khoản phải trả	Thu hồi vốn ứng trước	Thanh toán Nợ XDCB	Chuyển tiếp	Khởi công mới	Chuẩn bị đầu tư	Chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ	NSTT	Tiền đất phân chia các cấp ngân sách	Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên	XSKT	Đất đặc thù		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19			
2	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường kết nối Quốc lộ 12B với Quốc lộ 10 đoạn qua Yên Mô-Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình (tuyến ĐT480E cũ)	7871886	1128/QĐ-UB 14/9/2020; 90/BC-HĐTĐ 31/10/2023	2020-2024	204 000	24 000	22 000				22 000								22 000	HT bố trí vốn NST	
3	Xây dựng tuyến đường bộ ven biển, đoạn qua tỉnh Ninh Bình (giai đoạn I)	7838858	68/NQ-HĐ 29/7/2021; 906/QĐ-UB 20/8/2021	2019-2023	682 091	232 091	120 000				120 000				52 000	30 000			38 000		
4	Xây dựng tuyến đường Đông - Tây, tỉnh Ninh Bình (giai đoạn I)	7916685	1190/QĐ-UB 29/10/2021; 833/QĐ-UB 11/10/2023	2021-2026	1 913 754	1 413 754	150 000				150 000				50 000				100 000		
5	Xây dựng tuyến đường Bái Đình (Ninh Bình) - Ba Sao (Hà Nam), đoạn qua địa phận tỉnh Ninh Bình (giai đoạn II)	7928617	16/NQ-HĐ 22/3/2021; 22/NQ-HĐ 12/5/2021	2021-2024	761 270	370 818	50 000				50 000				30 000	20 000					
6	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường chính vào khu du lịch suối Kênh Gà và động Vân Trinh (giai đoạn II)	7916686	62/NQ-HĐ 29/7/2021; 1403/QĐ-UB 16/12/2021	2021-2025	355 000	355 000	80 000				80 000				60 000	20 000					
7	Xây dựng cầu vượt sông Bôi phục vụ ứng cứu di dân và phát triển kinh tế vùng phân lũ chậm lũ Nho Quan - Gia Viễn	7888802	136/NQ-HĐ 10/12/2021; 553/QĐ-UB 20/6/2022	2021-2023	108 850	108 850	30 000				30 000				30 000						
8	Đầu tư xây dựng tuyến đường T21 (đường Lê Duẩn), giai đoạn I	7916684	57/NQ-HĐ 29/7/2021; 1260/QĐ-UB 15/11/2021	2021-2024	237 728	237 728	37 000				37 000				37 000						
9	Xây dựng tuyến đường kết nối Quốc lộ 12B với Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Tu đến cầu Cọ, huyện Yên Mô	7916687	60/NQ-HĐ 29/7/2021; 1303/QĐ-UB 24/11/2021; 298/QĐ-UB 13/4/2023	2021-2024	128 145	128 145	1 000				1 000								1 000	HT bố trí vốn NST	
10	Đầu tư Xây dựng cầu Chà Lả vượt Sông Vân, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	7953411	12/NQ-HĐ 30/3/2022; 968/QĐ-UB 10/11/2022	2022-2025	133 570	133 570	50 000				50 000				50 000						
11	Cải tạo nút giao giữa đường vào Khu công nghiệp Khánh Phú với Quốc lộ 10 tại Km 144+00	7953410	551/QĐ-UB 17/6/2022; 446/QĐ-UB 13/6/2023	2022-2024	35 987	35 987	5 900				5 900								5 900	HT bố trí vốn NST	
12	Kiên cố kênh kết hợp đường cứu hộ, cứu nạn phía Tây nam, thị trấn Yên Ninh, huyện Yên Khánh	8028863	66/NQ-HĐ 26/4/2023; 976/QĐ-UB 21/11/2023	2023-2025	55 000	55 000	20 000				20 000				20 000						
13	Đầu tư nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Đồng Hương (giai đoạn I)	8025287	18/NQ-HĐ 10/3/2023; 609/QĐ-UB 28/7/2023	2023-2025	14 900	14 900	9 400				9 400				9 400					HT bố trí vốn NST	
<b>BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH</b>					<b>5 977 462</b>	<b>296 072</b>	<b>574 900</b>				<b>509 900</b>	<b>65 000</b>			<b>134 000</b>	<b>30 000</b>			<b>410 900</b>		
<b>I CẢN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</b>					<b>5 977 462</b>	<b>296 072</b>	<b>574 900</b>				<b>509 900</b>	<b>65 000</b>			<b>134 000</b>	<b>30 000</b>			<b>410 900</b>		
1	Cải tạo, nâng cấp đê Hữu sông Đáy (từ K8+380-K32+400)	7041878	284/QĐ-UB 25/4/2011	2007-2016	3 550 067		300 000				300 000				40 000	30 000			230 000		
2	Củng cố, nâng cấp đê Tả Hoàng Long, huyện Gia Viễn	7025630	315/QĐ-UB 09/5/2011	2007-2015	1 489 215	130 572	150 000				150 000				29 000				121 000		
3	Nạo vét sông, nâng cấp tuyến đê sông Vạc đoạn từ cầu Yên đến cầu Tri Chính	7041964	216/QĐ-UB 28/03/2011	2006-2015	772 680		59 900				59 900								59 900	HT bố trí vốn NST trung hạn	
4	Đầu tư, nâng cấp trạm bơm Liễu Trường, xã Khánh Cường, huyện Yên Khánh	8027995	56/NQ-HĐ 26/4/2023; 631/QĐ-UB 04/8/2023	2023-2025	30 000	30 000	15 000				15 000				15 000						
5	Xây dựng trạm bơm Cống Chanh, xã Khánh An, huyện Yên Khánh	8027996	62/NQ-HĐ 26/04/2023; 756/QĐ-UB 15/9/2023	2023-2025	20 500	20 500	10 000				10 000				10 000						



TT	Danh mục công trình, dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư/ Văn bản đề xuất		Kế hoạch đầu tư năm 2024														Ghi chú	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	Thời gian KC-HT	TMBT		Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh bố trí							Phân theo nguồn vốn					
					Tổng số	Tr.đó: Ngân sách cấp tỉnh		Thanh toán các khoản phải trả	Thu hồi vốn ứng trước	Thanh toán Nợ XDCB	Chuyển tiếp	Khởi công mới	Chuẩn bị đầu tư	Chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ	NSTT	Tiền đất phần chia các cấp ngân sách	Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên	XSKT		Đất đặc thù
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
6	Cải tạo, nâng cấp đoạn cuối sông Cà Mâu (từ cổng chợ Cồn Thoi đến cổng Kê Đông)	8027994	57/NQ-HD 26/4/2023; 950/QĐ-UB 08/11/2023	2023-2025	75 000	75 000	25 000				25 000				25 000					
7	Xây dựng trạm bơm Quy Hậu	8027997	63/NQ-HD 26/4/2023; 574/QĐ-UB 21/7/2023	2023-2025	40 000	40 000	15 000				15 000				15 000					
<b>BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH</b>					<b>25 000</b>	<b>20 000</b>	<b>14 500</b>				<b>14 500</b>				<b>9 500</b>				<b>5 000</b>	
<b>1 CẢN ĐÓI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</b>					<b>25 000</b>	<b>20 000</b>	<b>14 500</b>				<b>14 500</b>				<b>9 500</b>				<b>5 000</b>	
1	Cải tạo, sửa chữa, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tam Điệp I	8034582	08/NQ-HD 10/3/2023; 891/QĐ-UB 20/10/2023	2023-2025	25 000	20 000	14 500				14 500				9 500				5 000	HT bố trí vốn NST
<b>BỘ CHỈ HUY BỘ ĐỘI BIỂN PHÒNG TỈNH</b>					<b>14 995</b>	<b>14 995</b>	<b>6 595</b>				<b>6 595</b>				<b>6 595</b>					
<b>1 CẢN ĐÓI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</b>					<b>14 995</b>	<b>14 995</b>	<b>6 595</b>				<b>6 595</b>				<b>6 595</b>					
1	Xây dựng Trung tâm chỉ huy huy động nhân lực, tàu thuyền tham gia bảo vệ chủ quyền biển đảo và cứu hộ cứu nạn Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Ninh Bình	7004686	42/NQ-HD 29/8/2022; 1408/QĐ-UB 12/12/2022	2022-2024	14 995	14 995	6 595				6 595				6 595					HT bố trí vốn NST
<b>BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH</b>					<b>54 898</b>	<b>54 898</b>	<b>44 398</b>				<b>44 398</b>				<b>27 398</b>				<b>17 000</b>	
<b>1 CẢN ĐÓI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</b>					<b>54 898</b>	<b>54 898</b>	<b>44 398</b>				<b>44 398</b>				<b>27 398</b>				<b>17 000</b>	
1	Nâng cấp, cải tạo khu du lịch Kim Đài và các hạng mục phụ trợ phục vụ cho nhiệm vụ giáo dục quốc phòng an ninh	7004686	09/NQ-HĐND 10/3/2023; 750/QĐ-UB 15/9/2023	2023-2024	14 898	14 898	10 898				10 898				9 898				1 000	HT bố trí vốn NST
2	Xây dựng công sự, hầm hào và các công trình phụ trợ phục vụ công tác huấn luyện, diễn tập của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Ninh Bình	7004686	812/QĐ-BQP 06/3/2023; 555/QĐ-QK3 16/10/2023	2023-2024	10 000	10 000	4 500				4 500				3 500				1 000	HT bố trí vốn NST
3	Đầu tư xây dựng trường bắn, thao trường huấn luyện Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	7004686	2525/QĐ-QK3 26/12/2022	2022-2024	30 000	30 000	29 000				29 000				14 000				15 000	HT bố trí vốn NST
<b>CÔNG AN TỈNH</b>					<b>190 041</b>	<b>190 041</b>	<b>48 733</b>				<b>48 233</b>		<b>500</b>		<b>28 733</b>	<b>20 000</b>				
<b>1 CẢN ĐÓI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</b>					<b>190 041</b>	<b>190 041</b>	<b>48 733</b>				<b>48 233</b>		<b>500</b>		<b>28 733</b>	<b>20 000</b>				
1	Xây dựng trụ sở công an 06 xã thuộc đề án "Đảm bảo cơ sở, vật chất cho Công an xã chính quy trên địa bàn tỉnh Ninh Bình"	7004692	38/NQ-HD 29/8/2022	2022-2024	38 859	38 859	8 233				8 233				8 233					HT bố trí vốn NST Bổ trí lại KH vốn 2022 không được kéo dài sang năm
2	Xây dựng trụ sở công an 24 xã thuộc đề án "Đảm bảo cơ sở, vật chất cho Công an xã chính quy trên địa bàn tỉnh Ninh Bình" (đợt 1: 12 xã)	7004692	47/NQ-HD 26/4/2023; 381/QĐ-UB 17/10/2023	2023-2025	88 272	88 272	40 000				40 000				20 000	20 000				
3	Xây dựng trụ sở công an 26 xã còn lại thuộc Đề án "Đảm bảo cơ sở, vật chất cho Công an xã chính quy trên địa bàn tỉnh Ninh Bình"				62 910	62 910	500						500		500					
<b>CÔNG TY PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH</b>					<b>489 497</b>	<b>489 497</b>	<b>15 000</b>				<b>15 000</b>								<b>15 000</b>	
<b>1 CẢN ĐÓI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</b>					<b>489 497</b>	<b>489 497</b>	<b>15 000</b>				<b>15 000</b>								<b>15 000</b>	
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Giản Khẩu (phần 93,1ha)	7037780	331/QĐ-UB 20/5/2011	2003-2012	489 497	489 497	15 000				15 000								15 000	HT bố trí vốn NST trung hạn



TT	Danh mục công trình, dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư/ Văn bản đề xuất		Kế hoạch đầu tư năm 2024															Ghi chú		
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	Thời gian KC-HT	TMBT		Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh bố trí							Phân theo nguồn vốn							
					Tổng số	Tr.đó: Ngân sách cấp tỉnh		Thanh toán các khoản phải trả	Thu hồi vốn ứng trước	Thanh toán Nợ XDCB	Chuyển tiếp	Khởi công mới	Chuẩn bị đầu tư	Chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ	NSTT	Tiền đất phân chia các cấp ngân sách	Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên	XSKT	Đất đặc thù			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		
	<b>SỞ DU LỊCH</b>				6 800 160	5 079 660	503 754		103 754		400 000				503 754							
1	<b>CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</b>				6 800 160	5 079 660	503 754		103 754		400 000				503 754							
1	Xây dựng CSHT khu du lịch sinh thái Trảng An và các dự án thành phần	7033425	58/QĐ-UB 08/01/2007; 69/BC-SDL 02/6/2021	2004-2023	6 800 160	5 079 660	503 754		103 754		400 000				503 754						Trong đó thu hồi vốn ứng trước là 103.754 triệu đồng	
	<b>SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>				276 159	276 159	1 000						1 000		1 000							
1	<b>CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</b>				276 159	276 159	1 000						1 000		1 000							
1	Xây dựng Trường THPT Gia Viễn C đạt chuẩn quốc gia				170 800	170 800	500						500		500							
2	Dự án còn lại thuộc Kế hoạch đầu tư công xây dựng trường trung học phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025		48/KH-UB 16/3/2023		105 359	105 359	500						500		500							
	<b>SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI</b>				5 315 000	1 165 000	191 500				190 000			1 500	46 900	30 000				114 600		
1	<b>CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</b>				5 315 000	1 165 000	191 500				190 000			1 500	46 900	30 000				114 600		
1	Xây dựng tuyến đường ĐT.482 kết nối quốc lộ 1A với quốc lộ 10 và kết nối quốc lộ 10 với quốc lộ 12B	7888954	05/NQ-HD 23/02/2021; 809/QĐ-UB 30/7/2021	2021-2024	1 475 000	275 000	120 000				120 000				25 400	30 000				64 600		
2	Đầu tư xây dựng cầu vượt sông Vân và đường dẫn phía Tây sông Vân, tỉnh Ninh Bình	7892142	1387/QĐ-UB 10/12/2021; 917/QĐ-UB 21/10/2022	2021-2024	340 000	340 000	70 000				70 000				20 000					50 000		
3	Xây dựng tuyến đường Đông Tây, tỉnh Ninh Bình (giai đoạn II)				3 100 000	200 000	500						500		500							
4	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐT481B (đoạn ngã ba Thông đến ngã tư Khánh Nhạc)		335/TT-UB 28/10/2021	2022-2025	250 000	250 000	500						500		500							
5	Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Nho Quan – Tam Điệp (Quỳnh Lưu – QL38B – Yên Sơn) theo quy hoạch đường tỉnh ĐT.478C		88/TT-SGTVT 12/6/2023	2023-2025	150 000	100 000	500						500		500							
	<b>SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ</b>				62 523	62 523	22 309				22 309				22 309							
1	<b>CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</b>				62 523	62 523	22 309				22 309				22 309							
1	Lập Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	7905548	1296/QĐ-UB 29/10/2019 1536/QĐ-UB 08/12/2020	2020-2022	62 523	62 523	22 309				22 309				22 309							HT bổ trí vốn NST
	<b>SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>				752 531	167 334	43 200				43 200				3 200					40 000		
1	<b>CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</b>				752 531	167 334	43 200				43 200				3 200					40 000		
1	Xây dựng giai đoạn I tuyến đường giao thông Công viên động vật hoang dã Quốc gia tỉnh Ninh Bình nối với Quốc lộ 45 và tỉnh lộ 479D		1529/QĐ-UB 11/1/2016; 29/NQ-HD 10/3/2023	2016-2025	49 219	12 634	10 000				10 000									10 000		
2	Cụm công trình thủy lợi Nam sông Vân	7926168	3308/QĐ-BNN-KH 23/7/2021	2022-2025	600 000	150 000	30 000				30 000									30 000		







TT	Danh mục công trình, dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư/ Văn bản đề xuất		Kế hoạch đầu tư năm 2024															Ghi chú						
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	Thời gian KC-HT	TMBT		Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh bố trí						Phân theo nguồn vốn												
					Tổng số	Tr.đó: Ngân sách cấp tỉnh		Thanh toán các khoản phải trả	Thu hồi vốn ứng trước	Thanh toán Nợ XDCB	Chuyển tiếp	Khởi công mới	Chuẩn bị đầu tư	Chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ	NSTT	Tiền đất phân chia các cấp ngân sách	Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên	XSKT	Đất đặc thù							
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19						
9	Đầu tư trang thiết bị âm thanh, ánh sáng chuyên dùng cho Nhà văn hóa trung tâm tỉnh Ninh Bình	8026238	06/NQ-HD 10/3/2023; 940/QĐ-UB 03/11/2023	2023-2024	43 000	43 000	37 500								37 500					20 500					17 000	HT bố trí vốn NST
10	Bảo tồn, tôn tạo khai quật khảo cổ và phát huy giá trị Khu di tích quốc gia đặc biệt Cổ đô Hoa Lư	7923709	20/NQ-HĐ 12/5/2021	2021-2025	600 000	400 000	2 000							2 000											2 000	
<b>SỞ XÂY DỰNG</b>					<b>2 493 071</b>	<b>2 491 071</b>	<b>4 000</b>							<b>4 000</b>					<b>2 000</b>					<b>2 000</b>		
<b>1</b>	<b>CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</b>				<b>2 493 071</b>	<b>2 491 071</b>	<b>4 000</b>							<b>4 000</b>					<b>2 000</b>					<b>2 000</b>		
1	Xây dựng trung tâm hành chính tập trung tỉnh Ninh Bình				1 350 000	1 350 000	2 000							2 000											2 000	
2	Xây dựng mở rộng khu điều trị cho bệnh nhân của trung tâm Ung bướu, bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình		1671/TT-SXD 02/6/2023	2023-2025	20 000	18 000	500							500					500							
3	Các dự án còn lại theo Kế hoạch số 173/KH-UBND 26/10/2021 của UBND tỉnh				468 500	468 500	500							500					500							
4	Đầu tư mở rộng Khu công nghiệp Gián Khẩu (30ha)		3348/TT-SXD 20/10/2023	2023-2027	629 571	629 571	500							500					500							
5	Xây dựng nhà kho, cửa hàng vật tư cho các hợp tác xã giai đoạn 2022-2025		1609/TT-SXD 26/5/2023	2022-2025	25 000	25 000	500							500					500							
<b>HỘI NÔNG DÂN TỈNH</b>					<b>16 200</b>	<b>16 200</b>	<b>7 200</b>												<b>7 200</b>					<b>7 200</b>		
<b>1</b>	<b>CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</b>				<b>16 200</b>	<b>16 200</b>	<b>7 200</b>							<b>7 200</b>					<b>7 200</b>					<b>7 200</b>		
1	Quỹ hỗ trợ nông dân				16 200	16 200	7 200							7 200					7 200					7 200		
<b>HỘI PHỤ NỮ TỈNH</b>					<b>7 000</b>	<b>7 000</b>	<b>3 000</b>												<b>3 000</b>					<b>3 000</b>		
<b>1</b>	<b>CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</b>				<b>7 000</b>	<b>7 000</b>	<b>3 000</b>							<b>3 000</b>					<b>3 000</b>					<b>3 000</b>		
1	Quỹ hỗ trợ phụ nữ phát triển tỉnh Ninh Bình				7 000	7 000	3 000							3 000					3 000					3 000		
<b>LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ TỈNH</b>					<b>7 550</b>	<b>7 550</b>	<b>4 000</b>												<b>4 000</b>					<b>4 000</b>		
<b>1</b>	<b>CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</b>				<b>7 550</b>	<b>7 550</b>	<b>4 000</b>							<b>4 000</b>					<b>4 000</b>					<b>4 000</b>		
1	Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã				7 550	7 550	4 000							4 000					4 000					4 000		
<b>QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH</b>					<b>130 000</b>	<b>130 000</b>	<b>70 000</b>												<b>70 000</b>					<b>70 000</b>		
<b>1</b>	<b>CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</b>				<b>130 000</b>	<b>130 000</b>	<b>70 000</b>							<b>70 000</b>					<b>70 000</b>					<b>70 000</b>		
1	Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Bình				100 000	100 000	40 000							40 000					40 000					40 000		
2	Quỹ bảo vệ môi trường				30 000	30 000	30 000							30 000					30 000					30 000		
<b>NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TỈNH</b>					<b>140 000</b>	<b>140 000</b>	<b>60 000</b>												<b>60 000</b>					<b>60 000</b>		
<b>1</b>	<b>CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</b>				<b>140 000</b>	<b>140 000</b>	<b>60 000</b>							<b>60 000</b>					<b>60 000</b>					<b>60 000</b>		
1	Quỹ xóa đói giảm nghèo, trong đó:				140 000	140 000	60 000							60 000					60 000					60 000		



TT	Danh mục công trình, dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư/ Văn bản đề xuất			Kế hoạch đầu tư năm 2024														Ghi chú		
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	Thời gian KC-HT	TMBT		Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh bố trí							Phân theo nguồn vốn							
					Tổng số	Tr.đó: Ngân sách cấp tỉnh		Thanh toán các khoản phải trả	Thu hồi vốn ứng trước	Thanh toán Nợ XDCB	Chuyển tiếp	Khởi công mới	Chuẩn bị đầu tư	Chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ	NSTT	Tiền đất phân chia các cấp ngân sách	Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên	XSKT	Đất đặc thù			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		
-	Tin dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù				10 000	10 000	5 000								5 000			5 000				
-	Vốn cho vay người khuyết tật				10 000	10 000	5 000								5 000			5 000				
-	Chính sách hỗ trợ vốn vay khởi nghiệp và phát triển sản xuất kinh doanh cho thanh niên trên địa bàn tỉnh Ninh Bình				20 000	20 000	10 000								10 000			10 000				
<b>B</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ KHÁC</b>				<b>481 000</b>	<b>481 000</b>	<b>518 392</b>								<b>368 392</b>			<b>150 000</b>	<b>458 392</b>		<b>60 000</b>	
<b>I</b>	<b>CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</b>				<b>481 000</b>	<b>481 000</b>	<b>518 392</b>								<b>368 392</b>			<b>150 000</b>	<b>458 392</b>		<b>60 000</b>	
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới				481 000	481 000	150 000								150 000	100 000					50 000	
2	Bố trí kế hoạch vốn cho các dự án khởi công mới trong năm 2024, sau khi các dự án đủ điều kiện bố trí kế hoạch đầu tư công hằng năm						368 392								368 392			358 392				10 000